

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC CƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 101/NQ-HĐND

Đức Cơ, ngày 24 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
thu, chi ngân sách địa phương năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC CƠ
KHOÁ VII - KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính
quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-
CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài
chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài
chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2023;*

*Căn cứ Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, kỳ họp thứ Tư quy định phân cấp nguồn
thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường
xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai*

*Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, kỳ họp thứ Tư về việc phân bổ dự toán ngân
sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2021 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 cho
các huyện, thị xã, thành phố;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số 276/TTr-UBND, ngày 20/12/2021 của Ủy ban
nhân dân huyện về việc phê duyệt dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
thu, chi ngân sách địa phương năm 2022; Báo cáo kết quả thẩm tra của Ban Kinh
tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại
biểu Hội đồng nhân dân huyện tại Kỳ họp.*



QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2022, như sau:

I. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 445.249 triệu đồng.

Trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn huyện: 68.590,0 triệu đồng (*Tăng thu so với kế hoạch tỉnh giao 14.000 triệu đồng. Gồm: Tăng thu tiền sử dụng đất: 13.000 triệu đồng, tăng thu thuế: 1.000 triệu đồng*) và thu bổ sung từ cấp trên: 376.659,0 triệu đồng. Cụ thể:

- | | |
|---|-----------------------------|
| 1. Thu ngân sách Trung ương, Tỉnh hưởng: | 7.570,0 triệu đồng |
| - Thu ngân sách trung ương hưởng: | 3.450,0 triệu đồng |
| - Thu ngân sách tỉnh hưởng: | 4.120,0 triệu đồng |
| 2. Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp: 61.020,0 triệu đồng | |
| - Thu ngân sách huyện hưởng: | 45.324,0 triệu đồng |
| - Thu ngân sách xã, thị trấn hưởng: | 15.696,0 triệu đồng |
| 3. Thu bổ sung từ cấp trên: | 376.659,0 triệu đồng |
| - Cân đối ngân sách huyện: | 375.103,0 triệu đồng |
| - Bổ sung có mục tiêu: | 1.556,0 triệu đồng |

II. Dự toán chi ngân sách địa phương:

1. Dự toán chi ngân sách địa phương tỉnh giao: 424.979 triệu đồng

Trong đó:

- | | |
|--------------------------------------|----------------------|
| - Chi đầu tư phát triển: | 42.954,0 triệu đồng |
| + Chi xây dựng cơ bản tập trung: | 21.354,0 triệu đồng |
| + Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất: | 21.600,0 triệu đồng |
| - Chi thường xuyên: | 373.557,0 triệu đồng |
| - Dự phòng ngân sách: | 8.468,0 triệu đồng |

2. Dự toán chi ngân sách địa phương cân đối: 437.679 triệu đồng

(*Tăng so với kế hoạch tỉnh giao 11.700 triệu đồng từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất và 1.000 triệu đồng tiền thu thuế*)

Trong đó:

- | | |
|--------------------------------------|---------------------|
| - Chi đầu tư phát triển: | 55.654,0 triệu đồng |
| + Chi xây dựng cơ bản tập trung: | 21.354,0 triệu đồng |
| + Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất: | 33.300,0 triệu đồng |
| . Ngân sách huyện chi: | 23.940,0 triệu đồng |
| . Ngân sách xã, thị trấn chi: | 9.360,0 triệu đồng |



+ Chi cho vay tín dụng ưu đãi:	1.000,0 triệu đồng
- Chi thường xuyên:	373.323,0 triệu đồng
+ Ngân sách huyện chi:	318.365,0 triệu đồng
+ Ngân sách xã, thị trấn chi:	54.958,0 triệu đồng
- Dự phòng ngân sách :	8.702,0 triệu đồng
+ Ngân sách huyện chi:	7.669,0 triệu đồng
+ Ngân sách xã, thị trấn chi:	1.033,0 triệu đồng

(Cụ thể kèm theo các biểu mẫu 15, 16, 17).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết này;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện theo dõi, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khoá VII, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 24 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện uỷ;
- Thường trực HĐND, UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các ban, ngành đoàn thể huyện;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT - VP.



CHỦ TỊCH

Phan Quang Thái



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số: 101/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 của HĐND huyện Đức Cơ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	387.792,0	461.848,9	437.679,0	- 24.169,9	94,8
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	48.030,0	53.786,0	61.020,0	7.234,0	113,4
-	Thu NSDP hưởng 100%	7.500,0	8.951,0	9.300,0	349,0	103,9
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	40.530,0	44.835,0	51.720,0	6.885,0	115,4
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	339.762,0	358.868,1	376.659,0	17.790,9	105,0
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	305.918,0	305.642,0	375.103,0	69.461,0	122,7
2	Thu bổ sung có mục tiêu	33.844,0	53.226,1	1.556,0	- 51.670,1	2,9
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính		-		-	
IV	Thu kết dư		33.454,3		- 33.454,3	-
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		15.740,5		- 15.740,5	-
B	TỔNG CHI NSDP	387.792,0	424.805,6	437.679,0	12.873,4	103,0
I	Tổng chi cân đối NSDP	387.792,0	424.805,6	437.679,0	12.873,4	103,0
1	Chi đầu tư phát triển (1)	45.354,0	47.319,4	55.654,0	8.334,6	117,6
2	Chi thường xuyên	335.639,0	370.687,2	373.323,0	2.635,8	100,7
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)					
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)					
5	Dự phòng ngân sách	6.799,0	6.799,0	8.702,0	1.903,0	128,0
6	Chi quản lý qua ngân sách					

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
II	Chi các chương trình mục tiêu					
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia					
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP (2)					
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP (2)					
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc					
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh					
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP (2)					
I	Vay để bù đắp bội chi					
II	Vay để trả nợ gốc					

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số: 101/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 của HĐND huyện Đức Cơ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2021		Dự toán năm 2022		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	71.584,0	53.536,0	68.590,0	61.020,0	95,8	114,0
I	Thu nội địa	71.584,0	53.536,0	68.590,0	61.020,0	95,8	114,0
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	-	-	200,0	-	-	-
-	Thu tiền thuê đất	-	-	-	-	-	-
-	Thuế Giá trị gia tăng	-	-	200,0	-	-	-
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	268,0	-	250,0	-	93,3	-
-	Thuế Giá trị gia tăng	193,0	-	70,0	-	36,3	-
-	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	75,0	-	70,0	-	93,3	-
-	Thuế Tài nguyên	-	-	60,0	-	-	-
-	Thu khác	-	-	50,0	-	-	-
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-	-	-	-	-	-
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	13.022,0	13.022,0	12.800,0	12.700,0	98,3	97,5
a	Thu từ các DN ngoài QĐ	8.951,0	8.951,0	9.300,0	9.300,0	103,9	103,9
-	Thuế Giá trị gia tăng	8.100,0	8.100,0	8.750,0	8.750,0	108,0	108,0
-	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	337,0	337,0	400,0	400,0	118,7	118,7
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	78,0	78,0	100,0	100,0	128,2	128,2
-	Thuế Tài nguyên	79,0	79,0	50,0	50,0	63,3	63,3
-	Thu khác	357,0	357,0	-	-	-	-
b	Thu từ Hộ kinh doanh	4.071,0	4.071,0	3.500,0	3.400,0	86,0	83,5
-	Thuế Giá trị gia tăng	4.000,0	4.000,0	3.320,0	3.320,0	83,0	83,0
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	50,0	50,0	50,0	50,0	100,0	100,0
-	Thuế Tài nguyên	21,0	21,0	30,0	30,0	142,9	142,9

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2021		Dự toán năm 2022		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
-	Thu khác		-	100,0	-		
5	Thuế thu nhập cá nhân	4.875,0	4.875,0	4.300,0	4.300,0	88,2	88,2
6	Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-		
7	Lệ phí trước bạ	8.800,0	8.800,0	8.300,0	8.300,0	94,3	94,3
8	Thu phí, lệ phí	2.330,0	1.050,0	1.550,0	880,0	66,5	83,8
-	Phí và lệ phí trung ương	1.280,0		650,0		50,8	
-	Phí môn bài	570,0	570,0	520,0	520,0	91,2	91,2
-	Phí và lệ phí huyện	120,0	120,0			-	-
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản			20,0			
-	Phí và lệ phí xã, phường	360,0	360,0	360,0	360,0	100,0	100,0
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		-			-	
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	7,0	7,0				
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	14.699,0	649,0	600,0	600,0	4,1	92,4
12	Thu tiền sử dụng đất	24.000,0	24.000,0	37.000,0	33.300,0	154,2	138,8
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	33,0	33,0			-	
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
16	Thu khác ngân sách, thu QLQNS	3.550,0	1.100,0	3.590,0	940,0	101,1	85,5
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác						
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức						
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước						
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước						
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	-	-	-	-		
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu						

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2021		Dự toán năm 2022		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
2	Thuế xuất khẩu						
3	Thuế nhập khẩu						
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác						
IV	Thu kết dư, chuyển nguồn ngân sách năm 2021 chuyển sang						



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số: 101/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 của HĐND huyện Đức Cơ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	387.792,0	437.679,0	49.887,0	112,9
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	387.792,0	437.679,0	49.887,0	112,9
I	Chi đầu tư phát triển	45.354,0	55.654,0	10.300,0	122,7
1	Chi đầu tư cho các dự án	45.354,0	55.654,0	10.300,0	122,7
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>			-	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	24.000,0	33.300,0	9.300,0	138,8
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi từ nguồn năm trước chuyển sang chuyển sang			-	
II	Chi thường xuyên	335.639,0	373.323,0	37.684,0	111,2
	<i>Trong đó:</i>			-	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	193.815,4	201.903,4	8.088,0	104,2
2	Chi khoa học và công nghệ	350,0	400,0	50,0	114,3
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
V	Dự phòng ngân sách	6.799,0	8.702,0	1.903,0	128,0

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
VII	Chi quản lý qua ngân sách				
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU				
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)				
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				